

Số: 167 /QĐ-ĐHFPT

Hà Nội, ngày 11 tháng 02 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc mở ngành đào tạo hệ chính quy, trình độ đại học Ngành Công nghệ truyền thông

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT

Căn cứ Quyết định số 208/2006/QĐ-TTg ngày 8/9/2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học FPT;

Căn cứ Nghị định số 99/2019/NĐ-CP quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học ban hành ngày 30/12/2019;

Căn cứ Quyết định số 1177/QĐ-ĐHFPT ngày 09/11/2023 của Chủ tịch Hội đồng trường Trường Đại học FPT về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động Trường Đại học FPT;

Căn cứ Thông tư 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo quy định về chuẩn Chương trình đào tạo; Xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ Giáo Dục và Đào tạo quy định về Quy định điều kiện, trình tự thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quy định 562/QĐ-ĐHFPT ngày 01/7/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học FPT về Quy trình thủ tục mở ngành và tổ chức xây dựng phát triển CTĐT trình độ đại học;

Căn cứ Quyết định 1258/QĐ-ĐHFPT ngày 01/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học FPT về chủ trương mở ngành Công nghệ truyền thông hệ đại học chính quy;

Căn cứ Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 06 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-KDCL ngày 8/8/2019 của Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục-Trường Đại học Vinh công nhận và cấp Giấy chứng nhận kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục cho trường Đại học FPT;

Căn cứ vào biên bản họp của Hội đồng Khoa học và Đào tạo về việc thẩm định Đề án ngành Công nghệ truyền thông ngày 20/01/2024;

Xét hồ sơ mở ngành và đề nghị của Trưởng Ban Nghiên cứu và phát triển.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Mở ngành Công nghệ Truyền thông, mã số 7320106, trình độ đại học thuộc hệ đào tạo chính quy để triển khai tại trường Đại học FPT.

Điều 2. Chỉ tiêu tuyển sinh của ngành Công nghệ Truyền thông nằm trong tổng chỉ tiêu hệ chính quy của Trường. Việc tuyển sinh, tổ chức quá trình đào tạo, đánh giá kết quả học tập và cấp văn bằng được thực hiện theo đúng quy định hiện hành về đào tạo chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 3. Các ông/bà Giám đốc, Trưởng ban Tuyển sinh, Trưởng ban Đào tạo, Trưởng phòng Tổ chức và Quản lý đào tạo, Trưởng phòng Khảo thí, Chủ nhiệm Bộ môn của các Phân hiệu Trường Đại học FPT, Trưởng phòng PTCTĐH và các phòng ban, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm phổ biến và thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- BGH (để b/c);
- Như Điều 3 (để t/h);
- Lưu VT, PTCTĐH.

HIỆU TRƯỞNG



Nguyễn Khắc Thành

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT



TRƯỜNG ĐẠI HỌC FPT

NỘI DUNG CƠ BẢN ĐỀ ÁN

**MỞ NGÀNH CÔNG NGHỆ TRUYỀN THÔNG
HỆ ĐẠI HỌC CHÍNH QUY**

Mã ngành đào tạo: **7320106**

Hà Nội, tháng 2 năm 2024

MỤC LỤC

I. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Truyền thông.....	5
1. Mục tiêu của chương trình	5
2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp	7
3. Chuẩn đầu ra	8
4. Khối lượng kiến thức toàn khoá.....	10
5. Đối tượng tuyển sinh.....	10
6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp.....	10
7. Cách thức đánh giá.....	11
8. Danh sách các học phần trong chương trình đào tạo	11
9. Kế hoạch triển khai chương trình đào tạo theo kỳ	19
II. Danh sách đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Công nghệ Truyền thông.....	24
III. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh	30
1. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học...	30
2. Dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh.....	32
IV. Địa điểm đào tạo và danh sách các địa điểm thực hành, thực tập	32
1. Địa điểm đào tạo	32
2. Danh sách dự kiến các địa điểm thực hành/thực tập.....	33

NỘI DUNG CƠ BẢN

ĐỀ ÁN MỞ NGÀNH CÔNG NGHỆ TRUYỀN THÔNG

I. Chương trình đào tạo ngành Công nghệ Truyền thông

Tên chương trình:	Cử nhân Công nghệ truyền thông
Trình độ đào tạo:	Đại học
Ngành đào tạo:	Công nghệ truyền thông
Mã ngành đào tạo:	7320106

1. Mục tiêu của chương trình

Mục tiêu chung:

Chương trình Cử nhân **Công nghệ Truyền thông (Communication Technology _BCT)** nhằm đào tạo người học trở thành chuyên gia trong lĩnh vực truyền thông ở thời đại kỹ thuật số. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức và kỹ năng cần thiết để có thể xác định mục tiêu, lập và quản trị hiệu quả các kế hoạch truyền thông. Đặc biệt, sinh viên sẽ được học về cách sử dụng các công cụ/ phần mềm/ trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu cũng như trong quá trình sản xuất các sản phẩm truyền thông tương thích với các nền tảng truyền thông khác nhau. Với kiến thức quản trị và kỹ năng lãnh đạo, người học sẽ là những nhà truyền thông bản lĩnh, có tầm ảnh hưởng và có khả năng cống hiến cho ngành Công nghệ truyền thông Việt Nam; tạo tiền đề cho việc tiếp tục học tập và nghiên cứu ở các cấp độ cao hơn trong lĩnh vực Truyền thông. Chương trình bao gồm hai chuyên ngành: Truyền thông đa phương tiện và Quan hệ công chúng.

1.1. Chương trình Cử nhân Ngành Công nghệ Truyền thông, chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện (BCT_MC)

Chương trình Cử nhân BCT_MC đào tạo người học thành các chuyên gia lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các chiến dịch truyền thông trên đa phương tiện, đa nền tảng, phục vụ hiệu quả các mục tiêu truyền thông của doanh nghiệp/tổ chức. Sinh viên sẽ được trang bị kiến thức, kỹ năng từ cơ bản đến chuyên sâu về truyền thông bên cạnh việc được học về cách sử dụng các công cụ/phần mềm/trí tuệ nhân tạo trong phân tích dữ liệu cũng như trong quá trình sản xuất các sản phẩm truyền thông tương thích với

các phương tiện và nền tảng truyền thông nhằm tối ưu hoá hiệu quả của các kế hoạch truyền thông. Đồ án tốt nghiệp của sinh viên ngành BCT_MC là dự án thực tiễn đến từ doanh nghiệp/tổ chức.

1.2. Chương trình Cử nhân Ngành Công nghệ Truyền thông -Chuyên ngành Quan hệ công chúng (BCT_PR)

Chương trình Cử nhân BCT_PR đào tạo người học thành chuyên gia lập kế hoạch, thực hiện và đánh giá các chiến dịch Quan hệ công chúng có tác động tích cực đến nhận thức của công chúng cũng như mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức với công chúng. Sinh viên sẽ được học các kỹ năng bao gồm phân tích truyền thông số, chiến lược truyền thông trên mạng xã hội, truyền thông nội bộ, các kỹ năng viết, kỹ năng lập kế hoạch và quản trị dự án, nghiên cứu và phân tích dữ liệu, kỹ năng thuyết trình/phản biện ... cũng như được trang bị kiến thức quản trị khủng hoảng, quản trị hình ảnh và danh tiếng của doanh nghiệp/tổ chức, quản trị quan hệ của doanh nghiệp/tổ chức với các bên liên quan. Bên cạnh các nguyên tắc cơ bản trong giao tiếp và hợp tác, sinh viên sẽ được hướng dẫn sử dụng tích hợp các công nghệ truyền thông hiện đại để phân tích nhu cầu thị hiếu của khán giả, vận dụng tích hợp các phương tiện truyền thông. Sinh viên sẽ nắm vững kỹ năng lập kế hoạch cho các chiến dịch trên đa nền tảng, đa phương tiện để tương tác hiệu quả với các đối tượng khác nhau, như nhân viên, khách hàng, cộng đồng và chính phủ. Chương trình đào tạo gắn với thực tiễn thông qua đa dạng các hình thức đào tạo như: học tập tại doanh nghiệp, tham dự hội thảo quốc tế, học tập cùng chuyên gia, etc... Đồ án tốt nghiệp của sinh viên ngành BCT_PR là dự án thực tiễn đến từ doanh nghiệp/tổ chức. Với sự kết hợp giữa Quan hệ công chúng và truyền thông số, cử nhân ngành BCT_PR sẽ trở thành những chuyên gia sẵn sàng cho vai trò quan hệ công chúng ở bất kỳ lĩnh vực, ngành nghề.

Mục tiêu cụ thể:

PO1: Phát triển về thể chất, tinh thần, trí tuệ, nhân sinh quan, lòng tự hào dân tộc thông qua việc trang bị cho người học những kiến thức tổng quát về lý luận chính trị, pháp luật, kinh tế, xã hội, giáo dục thể chất, âm nhạc, giáo dục quốc phòng.

PO2: Có kiến thức cơ bản về lĩnh vực Truyền thông; kiến thức nền tảng cũng như chuyên sâu về Truyền thông đa phương tiện và Quan hệ công chúng.

PO3: Có khả năng tư duy sáng tạo, thiết kế và truyền tải nội dung/thông điệp một cách hiệu quả thông qua việc sử dụng ngôn từ, hình ảnh, âm thanh, video có chọn lọc.

PO4: Sử dụng thành thạo các công cụ/phần mềm/trí tuệ nhân tạo trong việc phân tích dữ liệu cũng như trong quá trình sản xuất các sản phẩm truyền thông tương thích với các phương tiện và nền tảng truyền thông khác nhau nhằm tối ưu hoá hiệu quả của các kế hoạch truyền thông.

PO5: Có kiến thức chuyên sâu về xác định mục tiêu, lập và quản trị hiệu quả các kế hoạch truyền thông cho doanh nghiệp/tổ chức, đồng thời sở hữu kỹ năng thương thuyết, phản biện tốt.

PO6: Hình thành thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn, có khả năng làm việc độc lập cũng như làm việc nhóm bên cạnh khả năng tự học suốt đời để phát triển bản thân và góp phần xây dựng xã hội

PO7: Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh và một ngoại ngữ khác ở mức cơ bản

2. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Đối với chuyên ngành BCT_MC

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành TTĐPT có thể lựa chọn cho mình những công việc như:

- Chuyên viên/giám đốc sáng tạo nội dung;
- Chuyên viên/giám đốc truyền thông;
- Chuyên viên quảng cáo và Marketing số;
- Phóng viên, biên tập viên truyền hình, phát thanh, báo in, tạp chí;
- Chuyên gia nghiên cứu truyền thông đa phương tiện;
- Phụ trách các start up/agency về truyền thông, sản xuất sản phẩm truyền thông;
- CEO của các start up về lĩnh vực truyền thông đa phương tiện do mình sáng lập;
- Nghiên cứu viên/Giảng viên: Có thể thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu tại các trung tâm, đơn vị có nghiên cứu về lĩnh vực TTĐPT.

Đối với chuyên ngành BCT_PR

Sinh viên tốt nghiệp chuyên ngành Quan hệ công chúng có thể lựa chọn cho mình những công việc như:

Chuyên viên/giám đốc truyền thông và quản trị thương hiệu;

Chuyên viên/giám đốc phối hợp quảng bá và tài trợ;

Chuyên viên/Trưởng phòng truyền thông, quan hệ công chúng;

Cố vấn truyền thông và quan hệ doanh nghiệp quốc tế;

Chuyên viên/giám đốc quản lý khủng hoảng;

Thư ký báo chí, trợ lý truyền thông;

Chuyên gia quan hệ công chúng Phụ trách các start up/agency về truyền thông, quan hệ công chúng;

Nghiên cứu viên/Giảng viên: Có thể thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu tại các trung tâm, đơn vị có nghiên cứu về lĩnh vực Truyền thông.

3. Chuẩn đầu ra

Kiến thức kỹ năng chung

PLO1: Có kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị pháp luật, an ninh quốc phòng, góp phần hình thành thế giới quan và phương pháp luận khoa học.

PLO2: Có tư duy và khả năng triển khai dự án khởi nghiệp, tinh thần sáng tạo, khả năng phản biện và giải quyết vấn đề.

PLO3: Có kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm hiệu quả trong môi trường học thuật và thực tiễn.

PLO4: Sử dụng được tốt tiếng Anh để giao tiếp và học tập (tương đương trình độ bậc 4 theo khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam, tương đương IELTS 6.0 hoặc TOEFL (paper) 575-600 hoặc TOEFL (iBT) 90-100); đồng thời có thể giao tiếp đơn giản bằng Tiếng Trung.

Phẩm chất thái độ

PLO5: Cư xử chuyên nghiệp, có đạo đức, có trách nhiệm xã hội, có tinh thần phục vụ cộng đồng.

PLO6: Mạnh mẽ về tinh thần và thể lực, thể hiện được bản sắc dân tộc, tự tin hội nhập quốc tế.

PLO7: Có tinh thần tự học, học tập suốt đời, thích ứng với sự thay đổi liên tục của công nghệ và xã hội.

Kiến thức kỹ năng ngành

PLO8: Nắm vững khối kiến thức nền tảng về truyền thông đa phương tiện và/hoặc quan hệ công chúng cũng như về văn hóa, xã hội, pháp luật, tâm lý và hành vi của con người.

PLO9: Thành thạo trong việc sử dụng các công cụ và/hoặc phần mềm và/hoặc trí tuệ nhân tạo và/ hoặc các công nghệ đa phương tiện để sản xuất các sản phẩm truyền thông phục vụ cho kế hoạch truyền thông.

PLO10: Có khả năng phân tích dữ liệu nhằm đưa ra giải pháp và/hoặc khuyến nghị phù hợp và/hoặc tối ưu hoá hiệu quả các kế hoạch truyền thông dựa trên các công cụ và/hoặc phần mềm và/hoặc trí tuệ nhân tạo.

Kiến thức thực năng chuyên ngành

Ngành Công nghệ Truyền thông, chuyên ngành Truyền thông đa phương tiện (BCT_MC)

PLO11: Nắm vững và ứng dụng kiến thức chuyên sâu về quản trị truyền thông đa phương tiện phục vụ các chiến dịch truyền thông.

PLO12: Có khả năng xác định mục tiêu, xây dựng, quản trị và đánh giá kế hoạch truyền thông.

PLO13: Có khả năng lập kế hoạch sản xuất và sản xuất các sản phẩm truyền thông và sử dụng tích hợp đa phương tiện trên đa nền tảng phục vụ mục tiêu truyền thông.

PLO14: Có khả năng thuyết phục công chúng và thương thuyết với khách hàng hoặc nhà đầu tư bằng luận cứ mang tính khoa học và ý tưởng sáng tạo phù hợp với các kế hoạch.

Ngành Công nghệ Truyền thông, chuyên ngành Quan hệ công chúng (BCT_PR)

PLO11: Nắm vững và có khả năng ứng dụng kiến thức chuyên sâu về quan hệ công chúng nhằm xây dựng và quản trị danh tiếng của thương hiệu/doanh nghiệp/tổ chức.

PLO12: Có khả năng lập và quản trị kế hoạch quan hệ công chúng nhằm xây dựng và quản trị danh tiếng của thương hiệu/doanh nghiệp/tổ chức.

PLO13: Có khả năng lập, sản xuất và quản trị kế hoạch sản xuất các sản phẩm/ ấn phẩm truyền thông phù hợp nhằm phục vụ cho các mục tiêu của kế hoạch quan hệ công chúng.

PLO14: Có khả năng diễn thuyết/thuyết phục công chúng hoặc đối tượng mục tiêu bằng các luận cứ khoa học và ý tưởng sáng tạo phù hợp nhằm xây dựng và quản trị danh tiếng của thương hiệu/doanh nghiệp/tổ chức.

Chú ý: Sự tương ứng giữa tầm nhìn, sứ mạng, mục tiêu, CDR của CTĐT được thể hiện trong mục 10

4. Khối lượng kiến thức toàn khoá

145 tín chỉ, chưa kể chương trình Định hướng và Rèn luyện tập trung, Tiếng Anh chuẩn bị.

STT	Nội dung	Thời gian	Tín chỉ	Ghi chú
1	Chương trình Định hướng và Rèn luyện tập trung	5 tuần	0	Chứng chỉ GDQP
2	Chương trình Tiếng Anh chuẩn bị	0-1 năm	0	Chứng chỉ
3	Chương trình Giáo dục thể chất	xen kẽ	6	Chứng chỉ
4	Chương trình chuyên môn, gồm cả đào tạo trong môi trường thực tế (OJT)	9 HK	139	
4.1	<i>Kiến thức kỹ năng chung</i>	<i>11 Học phần</i>	<i>29</i>	
4.2	<i>Kiến thức kỹ năng ngành (kể cả OJT)</i>	<i>15 Học phần</i>	<i>52</i>	
4.3	<i>Kiến thức kỹ năng chuyên ngành</i>	<i>13 Học phần</i>	<i>46</i>	
4.4	<i>Kiến thức kỹ năng lựa chọn</i>	<i>4 Học phần</i>	<i>12</i>	

5. Đối tượng tuyển sinh

- Theo quy chế tuyển sinh đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo quy chế tuyển sinh của Trường Đại học FPT.

6. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

- Thực hiện theo quy chế đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy của Bộ Giáo dục và Đào tạo.
- Theo quy chế đào tạo của Trường Đại học FPT.

7. Cách thức đánh giá

Theo quy định về kiểm tra và đánh giá học phần trong quy chế đào tạo của Trường Đại học FPT.

8. Danh sách các học phần trong chương trình đào tạo

8.1 Chương trình Định hướng và Rèn luyện tập trung

Mã học phần	Tên Học phần	Cấu trúc	Nội dung	Thời gian	PLO hướng tới
OTP101	Định hướng và Rèn luyện tập trung (Orientation and General Training Program)	Phần 1: Orientation_Định hướng	Thực hiện theo chương trình của Trường Đại học FPT	40h (tương đương 1 tuần)	PLO1, PLO3, PLO6
		Phần 2: Military training_Giáo dục quốc phòng	Thực hiện theo chương trình quy định của Bộ Giáo dục Đào tạo	165h	
		Phần 3: Experience-Chương trình trải nghiệm	Thực hiện theo chương trình của Trường Đại học FPT	75h	

8.2 Chương trình Tiếng Anh chuẩn bị

Chọn 6 học phần thuộc một combo trong 2 combo sau đây¹:

Lựa chọn 1: ENG Preparation_FPTU

Mã môn	Tên môn	Thời lượng	PLO
ENT001	English 1 (Topnotch Fundamental) _Tiếng Anh 1	105 giờ học trên lớp	PLO3, PLO7

¹ Cơ sở đào tạo chọn 6 học phần thuộc một combo trong 2 combo để triển khai.

ENT104	English 2 (Top Notch 1) _Tiếng Anh 2	105 giờ học trên lớp	PLO3, PLO7
ENT203	English 3 (Top Notch 2) _Tiếng Anh 3	105 giờ học trên lớp	PLO3, PLO7
ENT303	English 4 (Top Notch 3) _Tiếng Anh 4	105 giờ học trên lớp	PLO3, PLO7
ENT403	English 5 (Summit 1) _Tiếng Anh 5	105 giờ học trên lớp	PLO3, PLO7
ENT503	English 6 (Summit 2) _Tiếng Anh 6	105 giờ học trên lớp	PLO3, PLO7

Lựa chọn 2: ENG Preparation_Little UK_FPTU			
Mã môn	Tên môn	Thời lượng	PLO
LUK1	Little UK level 1	87.5 giờ học trên lớp	PLO3, PLO7
LUK2	Little UK level 2	87.5 giờ học trên lớp	PLO3, PLO7
LUK3	Little UK level 3	87.5 giờ học trên lớp	PLO3, PLO7
LUK4/T RS401/T RS403	Little UK level 4/ English 4 (University success)_Tiếng Anh 4/ English 4 (Speak Your Mind level 3)_Tiếng Anh 4	105 giờ học trên lớp	PLO3, PLO7
LUK5/T RS501	Little UK level 5/ English 5 (University success)_Tiếng Anh 5	105 giờ học trên lớp	PLO3, PLO7
LUK6/T RS601	Little UK level 6/ English 6 (University success)_Tiếng Anh 6	105 giờ học trên lớp	PLO3, PLO7

8.3 Chương trình Giáo dục thể chất

Chọn 3 học phần thuộc cùng 1 combo trong 2 combo sau đây ² :						
PHE_COM1: Vovinam			PHE_COM2: Cờ Vua			PLO
Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	
VOV114	Vovinam 1	2	COV111	Cờ Vua 1	2	PLO1, PL06
VOV124	Vovinam 2	2	COV121	Cờ Vua 2	2	PLO1, PL06
VOV134	Vovinam 3	2	COV131	Cờ Vua 3	2	PLO1, PL06

8.4 Chương trình chuyên môn Ngành Công nghệ truyền thông

Ghi chú: Mã, tên một số học phần và mapping có thể thay đổi

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	PLOs hướng tới
I - GENERAL KNOWLEDGE AND SKILLS_KIẾN THỨC KỸ NĂNG CHUNG				
1	SSL101c	Academic Skills for University_Success_Kỹ năng học tập đại học	3	PLO2, PLO7
2	SSG104	Communication and In-Group Working Skills_Kĩ năng giao tiếp và cộng tác	3	PLO2, PLO3, PLO5
3	CHN113	Elementary Chinese 1_Hán ngữ sơ cấp 1	3	PLO3, PLO4, PLO5
4	CHN123	Elementary Chinese 2_Hán ngữ sơ cấp 2	3	PLO3, PLO4, PLO5
5	EXE101	Experiential Entrepreneurship 1_Trải nghiệm khởi nghiệp 1	3	PLO2, PLO3, PLO5, PLO6, PLO7, PLO10
6	MLN111	Philosophy of Marxism – Leninism_Triết học Mác - Lê-nin	3	PLO1, PLO3, PLO5
7	MLN122	Political economics of Marxism – Leninism_Kinh tế chính trị Mác - Lê-nin	2	PLO1, PLO3, PLO5
8	MLN131	Scientific socialism_Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	PLO1, PLO3, PLO5
9	HCM202	HCM Ideology_Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	PLO1, PLO3, PLO5
10	VNR202	History of CPV_Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	PLO1, PLO3, PLO5

² Sinh viên chọn 3 học phần thuộc cùng 1 combo trong 2 combo để học (Tùy thuộc vào tình trạng sức khỏe).

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	PLOs hướng tới
11	TMI_ELE	Traditional musical instrument_Nhạc cụ truyền thống	3	PLO5, PLO6
	<i>Chọn 1 trong 7 học phần sau đây³:</i>			
	DTR103	Traditional musical instrument_Đàn Tranh	3	PLO5, PLO6
	DBA103	Traditional musical instrument_Đàn Bầu	3	PLO5, PLO6
	DNG103	Traditional musical instrument_Đàn nguyệt	3	PLO5, PLO6
	DNH103	Traditional musical instrument_Đàn Nhị	3	PLO5, PLO6
	DSA103	Traditional musical instrument_Sáo trúc	3	PLO5, PLO6
	DTB103	Traditional musical instrument_Đàn Tỳ bà	3	PLO5, PLO6
	TRG103	Traditional musical instrument_Trống dân tộc	3	PLO5, PLO6
II - MAJOR KNOWLEDGE AND SKILLS_KIẾN THỨC KỸ NĂNG NGÀNH				
1	VNC104	Vietnamese Culture_Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	PLO5, PLO9
2	MKT102	Management and Marketing_Nhập môn Quản trị và Marketing	3	PLO3, PLO5, PLO9
3	ISM201	Introduction to strategic communication_Giới thiệu về truyền thông chiến lược	3	PLO1, PLO2, PLO5, PLO11, PLO13
4	LAE102	Law and Ethics in Media and Communication_Luật pháp và đạo đức trong lĩnh vực truyền thông	3	PLO2, PLO3, PLO8, PLO11, PLO12
5	ADA201c	AI in data analysis_Công nghệ AI trong phân tích dữ liệu truyền thông	3	PLO2, PLO7, PLO9, PLO10, PLO13
6	MMP201	Media Psychology_Tâm lý học truyền thông	3	PLO2, PLO3, PLO8, PLO11, PLO13
7	CCO201	Corporate Communication_Truyền thông doanh nghiệp	3	PLO3, PLO8, PLO9, PLO13
8	RMC301	Research methods in Communication_Phương pháp nghiên cứu trong truyền thông	3	PLO3, PLO5, PLO9, PLO11, PLO12

³ Sinh viên chọn 1 trong 7 học phần để học.

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	PLOs hướng tới
9	GPM201c	Professional Project Management_ Quản trị dự án	3	PLO2, PLO3, PLO10, PLO11, PLO12
10	MPL201	Media Planning _ Lập kế hoạch truyền thông	3	PLO2, PLO3, PLO10, PLO11, PLO13
11	MCO302	Intercultural Communication _Truyền thông liên văn hóa	3	PLO2, PLO3, PLO7, PLO11, PLO12
12	DPS201c	Dynamic Public Speaking_ Nghệ thuật Diễn thuyết trước công chúng	3	PLO2, PLO3, PLO10, PLO11, PLO12
13	MSM201c	Meta social media marketing Management_ Quản trị chiến dịch tiếp thị truyền thông xã hội toàn diện	3	PLO9, PLO10, PLO11, PLO12
14	PRE203	Introduction to Public Relations _Giới thiệu về quan hệ công chúng	3	PLO2, PLO3, PLO8, PLO10, PLO12
15	OCT202	On-the-job training_ Đào tạo trong môi trường thực tế	10	PLO1, PLO3, PLO5, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10

III - SPECIALIZED KNOWLEDGE AND SKILLS _KIẾN THỨC KỸ NĂNG CHUYÊN NGÀNH

a. BCT_MC

1	DTG111	Visual Design Tools_ Công cụ thiết kế trực quan	3	PLO5, PLO9
2	SDP201	Sound Production_ Sản xuất âm thanh	3	PLO3, PLO5, PLO9
3	WMC201	Media Writing_ Viết cho truyền thông đa phương tiện	3	PLO1, PLO2, PLO5, PLO11, PLO13
4	IMC301	Intergrated Marketing Communication in Digital World_ Chiến lược truyền thông marketing tích hợp	3	PLO2, PLO3, PLO8, PLO11, PLO12
5	DET101c	Design Thinking _ Tư duy thiết kế	3	PLO2, PLO7, PLO9, PLO10, PLO13
6	CSP201m	Content Strategy for Professionals _ Xây dựng chiến lược nội dung	3	PLO2, PLO3, PLO8, PLO11, PLO13
7	VDP301	Video Production_ Sản xuất video	3	PLO3, PLO8, PLO9, PLO13
8	EVN301	Event Management_ Quản trị sự kiện	3	PLO3, PLO5, PLO9, PLO11, PLO12

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	PLOs hướng tới
9	BRA201	Introduction to Brand Management _Giới thiệu về quản trị thương hiệu	3	PLO2, PLO3, PLO10, PLO11, PLO12
10	MEP301	Multimedia Production Project _Dự án sản xuất sản phẩm TTĐPT	3	PLO2, PLO3, PLO10, PLO11, PLO13
11	EXE201	Experiential Entrepreneurship 2 _Trải nghiệm khởi nghiệp 2	3	PLO2, PLO3, PLO7, PLO11, PLO12
12	CCM301	Crisis Communications Management _Quản trị truyền thông khủng hoảng	3	PLO2, PLO3, PLO10, PLO11, PLO12
13	BCT_MC_GMC	Capstone Project Multimedia Communications _Đồ án tốt nghiệp _Truyền thông đa phương tiện	10	
	GMC490	Capstone Project Multimedia Communications _Đồ án tốt nghiệp _Truyền thông đa phương tiện	10	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO11, PLO12, PLO13, PLO14
	EXE401	Graduation Thesis Startup Project _Dự án khởi nghiệp tốt nghiệp	10	PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO8
b. BCT_PR				
1	WDA201	Writing in the Digital age _Kỹ năng Viết trong kỷ nguyên số	3	PLO1, PLO2, PLO5, PLO8, PLO13
2	CSP202m	Introduction of Content Strategy _ Nhập môn chiến lược nội dung	3	PLO2, PLO3, PLO8, PLO10, PLO13
3	IMC301	Intergrated Marketing Communication in Digital World _Chiến lược truyền thông marketing tích hợp	3	PLO2, PLO3, PLO8, PLO11, PLO12
4	LSC201c	Leading Sustainable Community Transformation _Phát triển cộng đồng bền vững	3	PLO1, PLO2, PLO7
5	MPR201	Media production: Theory and practice _ Sản xuất Truyền thông: Lý thuyết và Thực hành	3	PLO2, PLO3, PLO10, PLO11, PLO13
6	EVN205	Event Management For PR _Quản trị sự kiện trong quan hệ công chúng	3	PLO3, PLO5, PLO9, PLO11, PLO12
7	PRW301	Professional PR writing _Viết bài PR chuyên nghiệp	3	PLO1, PLO2, PLO5, PLO11, PLO13

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	PLOs hướng tới
8	BRA301	Brand Management_ Quản trị thương hiệu	3	PLO2, PLO3, PLO10, PLO11, PLO12
9	AMM301	Account management_ Quản trị quan hệ đối tác chiến lược	3	PLO2, PLO3, PLO5, PLO11, PLO14
10	PRE301	Public Relations principles and strategies_ Chiến lược quan hệ công chúng	3	PLO2, PLO3, PLO10, PLO11, PLO12
11	EXE201	Experiential Entrepreneurship 2_ Trải nghiệm khởi nghiệp 2	3	PLO2, PLO3, PLO7, PLO11, PLO12
12	RMA301	Reputation Management_ Quản trị danh tiếng doanh nghiệp	3	PLO2, PLO3, PLO10, PLO11, PLO12
13	BCT_PR_GPR	Capstone Project Public Relations_ Đồ án tốt nghiệp Quan hệ công chúng	10	
	GPR490	Capstone Project Public Relations_ Đồ án tốt nghiệp Quan hệ công chúng	10	PLO2, PLO3, PLO4, PLO5, PLO6, PLO7, PLO8, PLO9, PL10, PLO11, PLO12, LO13, PLO14
	EXE401	Graduation Thesis Startup Project_ Dự án khởi nghiệp tốt nghiệp	10	PLO2, PLO3, PLO5, PLO7, PLO8
IV - ELECTIVE COMBOS_KIẾN THỨC KỸ NĂNG LỰA CHỌN				
a. BCT_MC (Chọn 4 học phần thuộc cùng một combo trong các combo sau đây⁴)				
1	Combo 1: Multimedia Production for MC_ Quản trị sản xuất truyền thông đa phương tiện chuyên ngành MC			
	CAM201	Creating Advertising in New Media_ Sáng tạo quảng cáo trong truyền thông mới	3	PLO2, PLO8, PLO10, PLO13
	BCJ201c	Branding: The Creative Journey_ Nghệ thuật xây dựng câu chuyện thương hiệu	3	PLO2, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO13
	VDE301	Digital Video Editing_ Dựng phim kỹ thuật số	3	PLO2, PLO5, PLO9, PLO10, PLO11, PLO13
	AMI301c	AI in communication_ Ứng dụng AI trong truyền thông	3	PLO2, PLO7, PLO9, PL10

⁴ Các cơ sở Đào tạo cho sinh viên đăng ký lựa chọn 1 combo trong danh sách các combo. Căn cứ vào kết quả đăng ký của sinh viên và điều kiện thực tế, mỗi cơ sở đào tạo quyết định danh sách các combo triển khai chính thức tại cơ sở đó.

TT	Mã HP	Tên học phần	Số TC	PLOs hướng tới
2	Combo 2: Multimedia Entertainment _Quản trị truyền thông đa phương tiện trong giải trí			
	VDE301	Digital Video Editing _Dựng phim kỹ thuật số	3	PLO2, PLO5, PLO9, PLO10, PLO11, PLO13
	VMC201c	Viral Marketing Communication _Truyền thông Marketing lan truyền	3	PLO2, PLO7, PLO8, PLO10
	SCI301	Media and Celebrities, Influencers _Truyền thông về người nổi tiếng	3	PLO3, PLO8, PL10
	AMI301c	AI in communication _Ứng dụng AI trong truyền thông	3	PLO2, PLO7, PLO9, PL10
a. BCT_PR (Chọn 4 học phần thuộc cùng một combo trong các combo sau đây⁵)				
1	Combo 1: Multimedia production for PR _Quản trị sản xuất truyền thông đa phương tiện chuyên ngành PR			
	CAM201	Creating Advertising in New Media _Sáng tạo quảng cáo trong truyền thông mới	3	PLO2, PLO8, PLO10, PLO13
	ECW301c	Effective Communication: Writing, Design, and Presentation _Kỹ năng viết, thiết kế, trình bày sản phẩm truyền thông	3	PLO2, PLO7, PLO8, PLO9, PLO10, PLO13
	MEP301	Multimedia Production Project _Dự án sản xuất sản phẩm TTĐPT	3	PLO3, PLO8, PLO9, PLO10, PLO13
	AMI301c	AI in communication _Ứng dụng AI trong truyền thông	3	PLO2, PLO7, PLO9, PL10
2	Combo 2: Entertainment PR _Truyền thông giải trí			
	SCI301	Media and Celebrities, Influencers _Truyền thông về người nổi tiếng	3	PLO3, PLO8, PL10
	ETB201c	Entertainment business _Kinh doanh giải trí	3	PLO7, PLO11, PLO12
	AMI301c	AI in communication _Ứng dụng AI trong truyền thông	3	PLO2, PLO7, PLO9, PL10
	EPR301	Quan hệ công chúng ngành Giải trí _Entertainment Public Relations	3	PLO3, PL10, PLO11, PLO12, PLO14

⁵ Các cơ sở Đào tạo cho sinh viên đăng ký lựa chọn 1 combo trong danh sách các combo. Căn cứ vào kết quả đăng ký của sinh viên và điều kiện thực tế, mỗi cơ sở đào tạo quyết định danh sách các combo triển khai chính thức tại cơ sở đó.

9. Kế hoạch triển khai chương trình đào tạo theo kỳ

TT	BCT_MC					BCT_PR			
	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú		Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú
HK0	OTP101	Orientation and General Training Program_Định hướng và Rèn luyện tập trung				OTP101	Orientation and General Training Program_Định hướng và Rèn luyện tập trung		
	PHE_COM*1	Physical Education1_Giáo dục thể chất 1	2			PHE_COM*1	Physical Education1_Giáo dục thể chất 1	2	
	PEN	Preparation English_Tiếng Anh chuẩn bị				PEN	Preparation English_Tiếng Anh chuẩn bị		
	TMI_ELE	Traditional musical instrument_Nhạc cụ truyền thống	3			TMI_ELE	Traditional musical instrument_Nhạc cụ truyền thống	3	
HK1	SSL101c	Academic Skills for University Success_Kỹ năng học tập đại học	3			SSL101c	Academic Skills for University Success_Kỹ năng học tập đại học	3	
	VNC104	Vietnamese Culture_Cơ sở văn hóa Việt Nam	3			VNC104	Vietnamese Culture_Cơ sở văn hóa Việt Nam	3	
	MKT102	Management and Marketing_Nhập môn Quản trị và Marketing	3			MKT102	Management and Marketing_Nhập môn Quản trị và Marketing	3	
	ISM201	Introduction to strategic communication_Giới thiệu về truyền thông chiến lược	3			ISM201	Introduction to strategic communication_Giới thiệu về truyền thông chiến lược	3	
	DTG111	Visual Design Tools_Công cụ thiết kế trực quan	3			WDA201	Writing in the Digital age_Kỹ năng Viết trong kỷ nguyên số	3	

TT	BCT_MC					BCT_PR			
	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú		Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú
	PHE_COM*2	Physical Education 2 _Giáo dục thể chất 2	3			PHE_COM*2	Physical Education 2 _Giáo dục thể chất 2	3	
HK2	SSG104	Communication and In-Group Working Skills_Kĩ năng giao tiếp và cộng tác	3			SSG104	Communication and In-Group Working Skills_Kĩ năng giao tiếp và cộng tác	3	
	SDP201	Sound Production _Sản xuất âm thanh	3			CSP202m	Introduction of Content Strategy _Nhập môn chiến lược nội dung	3	
	LAE102	Law and Ethics in Media and Communication_Luật pháp và đạo đức trong lĩnh vực truyền thông	3			LAE102	Law and Ethics in Media and Communication_Luật pháp và đạo đức trong lĩnh vực truyền thông	3	
	ADA201c	AI in data analysis_Công nghệ AI trong phân tích dữ liệu truyền thông	3			ADA201c	AI in data analysis_Công nghệ AI trong phân tích dữ liệu truyền thông	3	
	MMP201	Media Psychology_Tâm lý học truyền thông	3			MMP201	Media Psychology_Tâm lý học truyền thông	3	
	PHE_COM*3	Physical Education 3 _Giáo dục thể chất 3	3			PHE_COM*3	Physical Education 3 _Giáo dục thể chất 3	3	
HK3	CCO201	Corporate Communication_Truyền thông doanh nghiệp	3			CCO201	Corporate Communication_Truyền thông doanh nghiệp	3	
	WMC201	Media Writing_Viết cho truyền thông đa phương tiện	3			CHN113	Elementary Chinese 1_Hán ngữ sơ cấp 1	3	

TT	BCT_MC					BCT_PR			
	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú		Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú
	IMC301	Intergrated Marketing Communication in Digital World_Chiến lược truyền thông marketing tích hợp	3			IMC301	Intergrated Marketing Communication in Digital World_Chiến lược truyền thông marketing tích hợp	3	
	DET101c	Design Thinking _ Tư duy thiết kế	3			LSC201c	Leading Sustainable Community Transformation_Phát triển cộng đồng bền vững	3	
	RMC301	Research methods in Communication_Phương pháp nghiên cứu trong truyền thông	3			RMC301	Research methods in Communication_Phương pháp nghiên cứu trong truyền thông	3	
HK4	CSP201m	Content Strategy for Professionals _ Xây dựng chiến lược nội dung	3			PRE203	Introduction to Public Relations_Giới thiệu về quan hệ công chúng	3	
	GPM201c	Professional Project Management_Quản trị dự án	3			GPM201c	Professional Project Management_Quản trị dự án	3	
	VDP301	Video Production_Sản xuất video	3			MPR201	Media production: Theory and practice_Sản xuất Truyền thông: Lý thuyết và Thực hành	3	
	MPL201	Media Planning _ Lập kế hoạch truyền thông	3			MPL201	Media Planning _ Lập kế hoạch truyền thông	3	
	CHN113	Elementary Chinese 1_Hán ngữ sơ cấp 1	3			CHN123	Elementary Chinese 2_Hán ngữ sơ cấp 2	3	

TT	BCT_MC					BCT_PR			
	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú		Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú
HK5	MCO302	Intercultural Communication_Truyền thông liên văn hóa	3			MCO302	Intercultural Communication_Truyền thông liên văn hóa	3	
	EVN301	Event Management_Quản trị sự kiện	3			EVN205	Event Management For PR_Quản trị sự kiện trong quan hệ công chúng	3	
	DPS201c	Dynamic Public Speaking_Nghệ thuật Diễn thuyết trước công chúng	3			DPS201c	Dynamic Public Speaking_Nghệ thuật Diễn thuyết trước công chúng	3	
	MC_COM*1	Subject 1 of Combo*_Học phần thứ 1 của combo*	3			MC_COM*1	Subject 1 of Combo*_Học phần thứ 1 của combo*	3	
	CHN123	Elementary Chinese 2_Hán ngữ sơ cấp 2	3			PRW301	Professional PR writing_Viết bài PR chuyên nghiệp	3	
HK6	OCT202	On-the-job training_Đào tạo trong môi trường thực tế	10			OCT202	On-the-job training_Đào tạo trong môi trường thực tế	10	
	MSM201c	Meta social media marketing Management_Quản trị chiến dịch tiếp thị truyền thông xã hội toàn diện	3			MSM201c	Meta social media marketing Management_Quản trị chiến dịch tiếp thị truyền thông xã hội toàn diện	3	
HK7	BRA201	Introduction to Brand Management_Giới thiệu về quản trị thương hiệu	3			BRA301	Brand Management_Quản trị thương hiệu	3	

TT	BCT_MC					BCT_PR			
	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú		Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú
	PRE203	Introduction to Public Relations_Giới thiệu về quan hệ công chúng	3			AMM301	Account management_Quản trị quan hệ đối tác chiến lược	3	
	MC_COM*2	Subject 2 of Combo*_Học phần thứ 2 của combo*	3			MC_COM*2	Subject 2 of Combo*_Học phần thứ 2 của combo*	3	
	EXE101	Experiential Entrepreneurship 1_Trải nghiệm khởi nghiệp 1	3			EXE101	Experiential Entrepreneurship 1_Trải nghiệm khởi nghiệp 1	3	
	MC_COM*3	Subject 3 of Combo*_Học phần thứ 3 của combo*	3			MC_COM*3	Subject 3 of Combo*_Học phần thứ 3 của combo*	3	
HK8	MEP301	Multimedia Production Project_Dự án sản xuất sản phẩm TTĐPT	3			PRE301	Public Relations principles and strategies_Chiến lược quan hệ công chúng	3	
	MC_COM*4	Subject 4 of Combo*_Học phần thứ 4 của combo*	3			MC_COM*4	Subject 4 of Combo*_Học phần thứ 4 của combo*	3	
	EXE201	Experiential Entrepreneurship 2_Trải nghiệm khởi nghiệp 2	3			EXE201	Experiential Entrepreneurship 2_Trải nghiệm khởi nghiệp 2	3	
	CCM301	Crisis Communications Management_Quản trị truyền thông khủng hoảng	3			RMA301	Reputation Management_Quản trị danh tiếng doanh nghiệp	3	
	MLN111	Philosophy of Marxism – Leninism_Triết học Mác - Lê-nin	3			MLN111	Philosophy of Marxism – Leninism_Triết học Mác - Lê-nin	3	

TT	BCT_MC					BCT_PR			
	Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú		Mã HP	Tên HP	Tín chỉ	Ghi chú
	MLN122	Political economics of Marxism – Leninism_Kinh tế chính trị Mác - Lê-nin	3			MLN122	Political economics of Marxism – Leninism_Kinh tế chính trị Mác - Lê-nin	3	
HK9	MLN131	Scientific socialism_Chủ nghĩa xã hội khoa học	3			MLN131	Scientific socialism_Chủ nghĩa xã hội khoa học	3	
	HCM202	HCM Ideology_Tư tưởng Hồ Chí Minh	3			HCM202	HCM Ideology_Tư tưởng Hồ Chí Minh	3	
	VNR202	History of CPV_Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3			VNR202	History of CPV_Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	3	
	BCT_MC_GMC	Capstone Project Multimedia Communications_Đồ án tốt nghiệp_Truyền thông đa phương tiện	10			BCT_PR_GPR	Capstone Project Public Relations_Đồ án tốt nghiệp Quan hệ công chúng	10	
	GMC490	Capstone Project Multimedia Communications_Đồ án tốt nghiệp_Truyền thông đa phương tiện	10			GPR490	Capstone Project Public Relations_Đồ án tốt nghiệp Quan hệ công chúng	10	
	EXE401	Graduation Thesis Startup Project_Dự án khởi nghiệp tốt nghiệp	10			EXE401	Graduation Thesis Startup Project_Dự án khởi nghiệp tốt nghiệp	10	

II. Danh sách đội ngũ giảng viên giảng dạy ngành Công nghệ Truyền thông

Số TT	Họ và tên	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)
1	Ngô Bích Ngọc	Tiến sĩ, Việt Nam, 2020	Báo chí học	Thâm niên giảng dạy: tháng 9/2013 – tháng 01/2023 Khoa Phát thanh – Truyền hình, Học viện Báo chí và Tuyên truyền; Tháng 02/2023 đến nay: Giảng viên Truyền thông, ĐH FPT
2	Phó Thị Mỹ Hạnh	Tiến sĩ, Anh, 2021	Truyền thông&Khoa học ngôn ngữ	2017-2021: Trợ giảng tại ĐH Newcastle 2021 đến nay: Giảng viên Business, ĐH FPT"
3	Lê Thị Duyên	Tiến sĩ, Anh, 2019	Ngôn ngữ học ứng dụng	Từ 2004-2009: Giảng viên Tiếng Anh, Đại học Ngoại ngữ - Đại học quốc gia Hà Nội Từ 2009 đến nay: Giảng viên-Nghiên cứu viên, Đại học FPT
4	Lê Thị Mỹ Danh	Tiến sĩ, New Zealand, 2022	Quan hệ quốc tế	Tháng 11/2021 đến nay: Giảng viên, Chủ nhiệm bộ môn Truyền thông, ĐH FPT
5	Vũ Việt Nga	Tiến sĩ, Nga, 2009	Điện tử viễn thông	Từ tháng 7/2021 đến nay: Giảng viên Truyền thông, ĐH FPT
6	Nguyễn Thị Thùy Hiền	Tiến sĩ, Anh, 2024	PhD in Media and Communication	Từ tháng 12/2021 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
7	Lê Lan Ngọc	Thạc sĩ, Nga, 2017	Quảng cáo & quan hệ công chúng	Từ tháng 11/2021 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
8	Nguyễn Mai Hoa	Thạc sĩ, Nga, 2005	Báo chí	Từ tháng 12/2021 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
9	Hoàng Minh Hạnh	Thạc sĩ, Việt Nam, 2015	Báo chí	Từ tháng 12/2022 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
10	Tô Sơn Tùng	Thạc sĩ, Việt Nam, 2016	Báo chí học	Từ tháng 03/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT

Số TT	Họ và tên	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)
11	Đặng Thị Thanh Huyền	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Báo chí học	Từ tháng 05/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
12	Nguyễn Lan Chi	Thạc sĩ, Austria, 2019	Nghệ thuật Truyền thông	Từ tháng 04/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
13	Nguyễn Tuấn Nghĩa	Thạc sĩ, Mỹ, 2015	Nhiếp ảnh và truyền thông số	Từ tháng 05/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
14	Kiều Thị Yến	Thạc sĩ, Việt Nam, 2023	Quan hệ công chúng	Từ tháng 09/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
15	Nguyễn Đức Hoàng	Thạc sĩ, Anh, 2022	Quản trị truyền thông & marketing	Từ tháng 09/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
16	Lê Ngọc Lam	Thạc sĩ, Nga, 2022	Quảng cáo & quan hệ công chúng	Từ tháng 12/2022 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
17	Lê Thị Thu Hương	Thạc sĩ, Nga, 2018	Quảng cáo & quan hệ công chúng	Từ tháng 09/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
18	Trần Thùy Dương	Thạc sĩ, Úc, 2018	Truyền thông	Từ tháng 05/2019 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
19	Đỗ Hoàng Anh	Thạc sĩ, Úc, 2019	Truyền thông	Từ tháng 12/2021 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
20	Nguyễn Hoàng Oanh	Thạc sĩ, Mỹ, 2016	Truyền thông đại chúng	Từ tháng 07/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
21	Trần Diệu Huyền	Thạc sĩ, Mỹ, 2012	Truyền thông và Phát triển	Từ tháng 12/2021 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
22	Nguyễn Thị Minh Ngọc	Thạc sĩ, Việt Nam,	Phát thanh truyền hình	Từ tháng 09/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
23	Vũ Thế Điệp	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Giáo dục thể chất	Từ tháng 11/2021 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
24	Trần Thị Huyền Trang	Thạc sĩ, Việt Nam,	Sư phạm Âm nhạc	Từ tháng 11/2020 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT

Số TT	Họ và tên	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)
25	Dương Ngọc Tú	Thạc sĩ, Việt Nam, 2020	Phương pháp giảng dạy chuyên ngành Âm nhạc (Sáo trúc)	Từ tháng 05/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
26	Nguyễn Thị Phương Loan	Thạc sĩ, Trung Quốc, 2010	Tài chính	Từ ngày 01/04/2017 đến nay: Giảng viên Trường Đại học FPT
27	Nguyễn Xuân Hải Yến	Thạc sĩ, Trung Quốc, 2011	Sư phạm tiếng Trung	Từ tháng 04/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
28	Trịnh Thị Mai	Thạc sĩ, Việt Nam, 2014	Tâm lý học	Từ tháng 09/2013 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
29	Kiều Văn Nam	Thạc sĩ, Việt Nam, 2017	Chính trị học	Từ tháng 09/2019 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
30	Nguyễn Đắc Đạt	Thạc sĩ, Ukraine, 2011	Kiến trúc	Từ tháng 09/2019 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
31	Trần Thị Lệ Thùy	Thạc sĩ, Anh, 2015	Nghiên cứu phát triển	Từ tháng 06/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
32	Nguyễn Thị Huệ	Thạc sĩ, Mỹ, 2011	Quản trị kinh doanh	Từ tháng 05/2020 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
33	Lê Thị Thoa	Thạc sĩ, Việt Nam, 2023	Quản trị kinh doanh	Từ tháng 07/2022 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
34	Nguyễn Thị Thùy Vân	Thạc sĩ, Việt Nam, 2018	Báo chí học	Từ tháng 03/2022 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
35	Nguyễn Thu Hương	Thạc sĩ, Anh, 2019	Báo truyền hình	Từ tháng 04/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
36	Đỗ Thị Thục Uyên	Thạc sĩ, Úc, 2017	Nghiên cứu thông tin liên lạc & Tr.thông	Từ tháng 06/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
37	Nguyễn Phú Quý	Thạc sĩ, Belgium, 2022	Quản trị truyền thông & marketing	Từ tháng 04/2022 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT

Số TT	Họ và tên	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)
38	Huỳnh Đăng Khoa	Thạc sĩ, Belgium, 2019	Quản trị truyền thông & marketing	Từ tháng 09/2022 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
39	Nguyễn Cẩm Chi	Thạc sĩ, Hàn Quốc, 2021	Thiết kế Truyền thông	Từ tháng 11/2021 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
40	Phạm Ngọc Châu	Thạc sĩ, Thái Lan, 2013	Truyền thông	Từ tháng 7/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
41	Hà Hải Lâm	Thạc sĩ, Anh, 2021	Truyền thông	Từ tháng 05/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
42	Hoàng Phương Thảo	Thạc sĩ, Tây Ban Nha, 2020	Truyền thông liên Văn hóa & Giảng dạy Ngôn Ngữ	Từ tháng 01/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
43	Trương Thị Kim Oanh	Thạc sĩ, Úc, 2023	Truyền thông liên Văn hóa & Giảng dạy Ngôn Ngữ	Từ tháng 08/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
44	Võ Hoàng Minh Vân	Thạc sĩ, Úc, 2017	Truyền thông toàn cầu	Từ tháng 01/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
45	Lê Anh Tuấn	Thạc sĩ, Úc, 2019	Truyền thông toàn cầu	Từ tháng 08/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
46	Hoàng Vũ Quốc Anh	Thạc sĩ, Anh, 2020	Truyền thông & quan hệ công chúng	Từ tháng 12/2021 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
47	Lê Ngọc Phương Nguyên	Thạc sĩ, Ba Lan, 2019	Du lịch và giải trí	Từ tháng 09/2021 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
48	Lê Phương Anh	Thạc sĩ, Mỹ, 2015	Kinh doanh quốc tế	Từ tháng 05/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
49	Trịnh Thùy Linh	Thạc sĩ, Anh, 2018	Marketing	Từ tháng 09/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT

Số TT	Họ và tên	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)
50	Hoàng Trần Tú Phương	Thạc sĩ, Việt Nam, 2022	Báo chí	Từ tháng 05/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
51	Phạm Thị Ngọc Nhân	Thạc sĩ, Anh, 2014	Truyền thông	Từ tháng 07/2022 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
52	Trần Thị Kim Cúc	Thạc sĩ, Anh, 2019	Marketing Quốc tế	Từ tháng 8/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
53	Dương Hoài Lan	Thạc sĩ, Anh, 2019	Quản trị nguồn nhân lực	Từ tháng 03/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
54	Nguyễn Thị Hồng Kel	Thạc sĩ, Anh, 2019	Báo chí	Từ tháng 08/2022 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
55	Huỳnh Ngọc Đông Giao	Thạc sĩ, Scotland, 2020	Quản trị Truyền thông	Từ tháng 12/2021 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
56	Lương Khánh Huyền	Thạc sĩ, Anh, 2014	Truyền thông quốc tế	Từ tháng 09/2023 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
57	Nguyễn Công Hưng	Thạc sĩ, Việt Nam, 2023	Giáo dục học	Từ tháng 10/2022 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT
58	Cần Lý Bằng	Thạc sĩ, Việt Nam, 2022	Triết học	Từ tháng 8/2021 đến nay: Giảng viên Trường ĐH FPT

III. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh

1. Danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng(m2)	Ghi chú
A. Cơ sở HN				
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu			
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	500	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	15	1,982	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	460	36,948.78	
1.5	Số phòng học đa phương tiện			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	36	8,927	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	4	2,801	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	27	14,111.12	
B. Cơ sở HCM				
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu			
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	2	642	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	6	868	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	211	13,557	
1.5	Số phòng học đa phương tiện			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	21	3,329	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	13	3,606	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	19	4,078	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng(m2)	Ghi chú
C. Cơ sở ĐN				
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu			
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	1,019	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	3	430	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	227	11,936.5	
1.5	Số phòng học đa phương tiện			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	54	4,456.3	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	4	777	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	12	4,940	
D. Cơ sở CT				
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu			
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	3	1,538	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	3	360	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	122	7,091	
1.5	Số phòng học đa phương tiện			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	22	4,860	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	3	1,234	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	11	7,155	
E. Cơ sở QN				
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu			
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	1	450.8	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng(m2)	Ghi chú
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ			
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	75	4,318.9	
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ			
1.5	Số phòng học đa phương tiện			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	1	424	
2	Thư viện, trung tâm học liệu	1	383	
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	2	5,458	

2. Dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh

Năm	2024	2025	2026	2027	2028
Số lượng dự kiến	1000	1100	1200	1300	1400

IV. Địa điểm đào tạo và danh sách các địa điểm thực hành, thực tập

1. Địa điểm đào tạo

Trường Đại học FPT dự kiến đào tạo ngành Công nghệ Truyền thông tại tất cả các phân hiệu:

Hà Nội: Khu Giáo dục và Đào tạo – Khu Công nghệ cao Hòa Lạc – Km29 Đại lộ Thăng Long, Huyện Thạch Thất, Thành phố Hà Nội

Hồ Chí Minh: Lô E2a-7, Đường D1 Khu Công nghệ cao, Phường Long Thạnh Mỹ, Thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh

Đà Nẵng: Khu đô thị công nghệ FPT Đà Nẵng, P. Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng

Cần Thơ: Số 600 Đường Nguyễn Văn Cừ (nối dài), P. An Bình, Quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ

Quy Nhơn: Khu đô thị mới An Phú Thịnh, Phường Nhơn Bình & Phường Đống Đa, Thành phố Quy Nhơn, Bình Định.

2. Danh sách dự kiến các địa điểm thực hành/thực tập

Trường Đại học FPT đã ký kết MoU/MoA với khoảng 200 Doanh nghiệp/Tổ chức/Công ty về lĩnh vực truyền thông để tạo điều kiện cho sinh viên ngành Công nghệ Truyền thông có thể thực hành/thực tập. Dưới đây là danh sách một số đối tác mà sinh viên ngành Công nghệ Truyền thông có thể tham gia thực hành/thực tập:

Danh sách địa điểm dự kiến thực hành/thực tập của ngành Công nghệ Truyền thông.

TT	Tên công ty	Địa chỉ công ty
1	FPT Software	Khu CNC Hoà Lạc
2	Cổ phần VTC dịch vụ di động	Tầng 11, Tòa nhà VTC - 18 Tam Trinh, Hai Bà Trưng, Hà Nội
3	Công ty cổ phần Clever Group	Five Star Garden, Tầng 3 Nhà G1, Khu TTTM Tòa Nhà, Số 2 Đ. Kim Giang, Kim Giang, Thanh Xuân, Hà Nội 100000
4	Công ty Cổ phần công nghệ Sapo	số 266, tòa Ladeco, Đội Cấn, Ba Đình, Hà Nội
5	Công ty Cổ phần Đầu tư HBR Holdings	Cơ sở: 169 Xuân Thủy, Cầu Giấy, Hà Nội
6	Công ty Cổ phần Giáo dục và Thương mại Riki Việt Nam	40 Hàm Nghi, Cầu Diễn, Nam Từ Liêm, Hà Nội
7	Công ty Cổ phần Tập đoàn Hào Nam - Hào Nam Group	Tầng 3, TNR Gold Silk, 430 Cầu Am, Hà Đông, Hà Nội.
8	Công ty cổ phần Tập đoàn HVN	Lô TT02-15, Ngõ 2 Hàm Nghi, KĐT HD Mon City, Mỹ Đình 2, Nam Từ Liêm, Hà Nội
9	Công ty cổ phần thương mại công nghệ thông tin di động (CONEK GROUP)	Tầng 9, Tòa nhà Hội Nhà báo Việt Nam- Đường Dương Đình Nghệ, Yên Hòa, Cầu Giấy
10	Công ty cổ phần Truyền thông và Sự kiện Natech	146 P. Trần Bình, Mỹ Đình, Nam Từ Liêm, Hà Nội
11	Công ty Cổ phần VCCorp	Tầng 21 tòa Hapulico, số 83 Đ. Vũ Trọng Phụng, Thanh Xuân Trung, Thanh Xuân, Hà Nội
12	Công ty Cổ phần quốc tế quảng cáo và truyền thông CIS	Số 03, ngách 61/104 đường Mễ Trì, phường Mễ Trì, Q. Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
13	Công ty Cổ phần Tập đoàn Công nghệ Truyền thông và Giải trí Ant Group	609 Trương Định , Hoàng Mai , Hà Nội
14	Công ty Hệ thống Thông tin FPT (FPT Information System - FPT IS)	10 Phạm Văn Bạch,Dịch Vọng,Cầu Giấy,Hà Nội
15	Công ty TNHH CCMedia Việt Nam	Tầng 6, tòa nhà B3.7 Hacinco, đường Hoàng Đạo Thúy, phường Nhân Chính, quận Thanh Xuân, Hà Nội.
16	Công ty TNHH JET STUDIO	M5-M6, tầng M, tòa nhà Etown 1, 364 Cộng Hòa, Tân Bình, TP.HCM

TT	Tên công ty	Địa chỉ công ty
17	Công ty Cổ phần Truyền thông tiếp thị MÊ KÔNG	Lầu 12C, 58 Võ Văn Tần, P.6, Q.3, TP.HCM
18	Công ty Cổ phần Quảng cáo Việt Nam	Tầng 8, 402 Nguyễn Thị Minh Khai, P.5, Q.3, TP.HCM
19	Công ty TNHH Quảng cáo FACESEO	Số 36, Đường A4, Phường 12, Quận Tân Bình, TP.HCM
20	Công ty TNHH Truyền thông SKYPERRY	26/9 đường số 3, Khu cư xá Đô Thành, Phường 4, Quận 3, TP.HCM
21	Công ty Cổ phần Truyền thông ỚNG NGẮM	12D, Nguyễn Thúc Đường, KP.3, P. An Lạc A, Quận Bình Tân, TP. HCM
22	Công Ty TNHH Truyền thông GOLDEN STELLA - GOLDEN COMMUNICATION GROUP	Lầu 5, Tòa nhà Fideco, 28 Phùng Khắc Khoan, P. Đa Kao, quận 1
23	Công Ty TNHH LIMINAL MEDIA	Tầng trệt - Lững, Lô DH2, Tòa nhà Sky Center, Số 10 Phở Quang, Phường 2, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
24	Công Ty COLOR MAN ENTERTAINMENT	121 Hoàng Hoa Thám, phường 06, quận Bình Thạnh, TPHCM
25	Công Ty VIEW FINDER MEDIA	16A Lê Hồng Phong, Phường 12, Quận 10, Tp.HCM
26	Công ty Cổ phần Truyền thông và giải trí Điền Quân	121 Hoàng Hoa Thám, phường 06, quận Bình Thạnh, TPHCM
27	Công Ty TNHH Quảng cáo - Tư vấn - Tổ chức biểu diễn Cát Tiên Sa	5B Nguyễn Đình Chiểu, phường Đa Kao, quận 1, TP.HCM
28	Công Ty TNHH Truyền thông SƯ TỬ TRẮNG	Lầu 5, 29 Nguyễn Văn Mai, P.8, Q.3, TPHCM
29	Công Ty TNHH MTV Tổ chức sự kiện sà ART	Tòa nhà Millennium, B6.16 & B6.17, 132 Bến Vân Đồn, Quận 4, TPHCM
30	Công Ty TNHH Sixnature	K33/25 Hải Hồ, Phường Thanh Bình, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
31	Công ty TNHH Phần mềm FPT Miền Trung	Tòa nhà FPT Complex, đường Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường Hoà Hải, Quận Ngũ Hành Sơn, Thành phố Đà Nẵng
32	Công Ty TNHH Studio Grey	Tầng 2 - tòa nhà Văn Phòng Công ty trực thăng Miền Trung - Cổng vào Ga sân bay Đà Nẵng, Phường Hoà Thuận Tây, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng

TT	Tên công ty	Địa chỉ công ty
33	Công ty TNHH Chiic World Việt Nam	535 Trần Hưng Đạo, Phường An Hải Tây, Quận Sơn Trà, Thành phố Đà Nẵng
34	Công Ty TNHH Digital Works Vietnam	Tầng 8, Tòa nhà VN Đà Thành, 105 Lê Lợi, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Đà Nẵng
35	Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghệ BAP	180-182-184 Nguyễn Tri Phương, Phường Chính Gián, Quận Thanh Khê, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam
36	Công ty TNHH Sun Asterisk Việt Nam	Tầng 4, FHome 16 Lý Thường Kiệt, Phường Thạch Thang, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng
37	Công ty Streetnet Corporation	Tầng 7, Tòa nhà 103 Lê Sát, Hòa Cường Nam, Hải Châu, Đà Nẵng
38	Công Ty TNHH Miracle Research	Tầng 7, 103 Lê Sát, Phường Hoà Cường Nam, Quận Hải Châu,
39	Công ty Cổ phần truyền thông và giải trí Wellzone	Tầng 9, Toà nhà PvcomBank, Số 2 đường 30 tháng 4, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng
40	Big Sun Media	17 Đ. Nguyễn Văn Cừ, An Hoà, Ninh Kiều, Cần Thơ
41	Công ty Cổ phần Truyền thông và Quảng cáo Thế Hệ Trẻ	243/5 Đường 30/4, Phường Hưng Lợi, Quận Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
42	Công ty Truyền thông Số Phạm Minh	75 đường B5, khu dân cư Hưng Phú 1, Phường Hưng Phú, Quận Cái Răng, Thành phố Cần Thơ
43	Công ty Dịch vụ Quảng cáo Hải Lưu	29 Quang Trung, Hưng Phú, Cái Răng, Cần Thơ
44	Truyền Thông Và Du Lịch Flamingo Decor	24/2 Đinh Tiên Hoàng, P. Thới Bình, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ